

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 4 năm 2024

Về việc: Không công nhận vợ
chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh

Ông Võ Sĩ Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dur Thị H Q, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Hồ M L, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dur Thị H Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Hồ M L kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Dur K D, sinh ngày 20/10/2014, con chung đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Hồ M L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Q về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông xác định nguyên nhân mâu thuẫn như bà Q trình bày là đúng. Hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung như bà Q trình bày là đúng, con chung hiện đang sống chung với bà Q. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Dư Thị H Q và ông Hồ M L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Dư Thị H Q và ông Hồ M L chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được sự thừa nhận của các đương sự và có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, hôn nhân giữa bà Q và ông L là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà Q và ông L thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân. Do đó, Tòa án không công nhận bà Q và ông L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Dư Khánh D, sinh ngày 20/10/2014, con chung đang sống cùng với bà Q, đã ổn định về cuộc sống, con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, bà Q và ông L thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Q và ông L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Q và ông L xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dư Thị H Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Dư Thị H Q và ông Hồ M L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Dư K D, sinh ngày 20/10/2014 cho bà Dư Thị H Q tiếp tục nuôi dưỡng; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Người không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dư Thị H Q phải chịu 300.000 đồng. Ngày 19/3/2024 bà Q đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0008274 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang

